

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ.....	2
I. SỰ CẦN THIẾT LẬP BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022.....	2
II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU	3
1. Mục đích	3
2. Yêu cầu	3
III. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ CƠ SỞ THỰC HIỆN	3
1. Căn cứ pháp lý	3
2. Những cơ sở và tài liệu thực hiện	4
IV. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022	4
V. BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022.....	5
1. Các dự án bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022.....	5
2. Chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2022.....	7
3. Điều chỉnh diện tích cần thu hồi đất trong năm 2022.....	13
3.1. Danh mục các công trình, dự án bổ sung phải thu hồi đất trong năm 2022	13
3.2. Điều chỉnh diện tích cần thu hồi đất trong năm 2022.....	14
4. Điều chỉnh diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022.....	15
4.1. Điều chỉnh chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 theo loại đất hiện trạng của tổ chức và hộ gia đình, cá nhân.....	15
4.2. Điều chỉnh chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 theo loại đất trong hồ sơ địa chính của tổ chức và hộ gia đình, cá nhân.....	16
4.3. Chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 theo loại đất trong hồ sơ địa chính của hộ gia đình, cá nhân.....	17
5. Bổ sung dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng năm 2022.....	18
6. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022.....	19
VI. BỔ SUNG GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022	20
KẾT LUẬN	21

ĐẶT VẤN ĐỀ

I. SỰ CẦN THIẾT LẬP BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022

Tại khoản 2 Điều 37 Luật Đất đai năm 2013, quy định: “*Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện được lập hàng năm*”; đồng thời tại khoản 1 Điều 52 quy định: căn cứ giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất là “*Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt*”.

Thực hiện các quy định trên, trên cơ sở Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện (được phê duyệt tại Quyết định số 4695/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai), UBND huyện Trảng Bom đã tiến hành lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện và đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 5387/QĐ-UBND ngày 31/12/2021. Đến nay, trong số 91 dự án/617,82 ha đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2022, có 63 dự án/483,83 ha đã và đang triển khai thực hiện các thủ tục về đất đai như: chấp thuận chủ trương đầu tư; xây dựng phương án bồi thường; triển khai thực hiện bồi thường, giải tỏa, thu hồi đất; giao đất, cho thuê đất hoặc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất,... còn lại 28 dự án/133,99 ha chưa triển khai thực hiện.

Tuy nhiên, Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Trảng Bom đến nay đã hết hiệu lực. Ngày 31/12/2021, UBND tỉnh đã phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Trảng Bom tại Quyết định số 5369/QĐ-UBND. Theo đó, một số công trình trọng điểm phục vụ phát triển kinh tế, xã hội của huyện đã có kế hoạch bố trí vốn trong năm 2022 cần được bổ sung kế hoạch sử dụng đất để triển khai thực hiện trong năm 2022.

Ngày 15/04/2022, Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND về việc bổ sung danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2022 tỉnh Đồng Nai và Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND về việc bổ sung danh mục các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ năm 2022 tỉnh Đồng Nai.

Ngày 11/5/2021, UBND tỉnh Đồng Nai đã có Quyết định số 1202/QĐ-UBND về việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 15/04/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất năm 2022 tỉnh Đồng Nai.

Trên cơ sở đó, để đảm bảo các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra thì việc bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Trảng Bom là rất cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Xác định nhu cầu sử dụng đất cần bổ sung trong năm 2022, đồng thời xác định: vị trí, diện tích đất phải thu hồi để thực hiện các dự án, công trình bổ sung theo quy định tại Điều 61, 62 Luật Đất đai năm 2013; vị trí, diện tích các dự án, công trình có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào mục đích khác theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 58 Luật đất đai năm 2013;

- Đảm bảo mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn 2021-2025 của huyện đã đề ra; đảm bảo tiến độ thực hiện các dự án trên địa bàn huyện Trảng Bom.

2. Yêu cầu

- Việc bổ sung kế hoạch sử dụng đất phải phù hợp Luật đất đai năm 2013; Luật Quy hoạch năm 2017; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật liên quan đến Quy hoạch; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 37/2019/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Các dự án, công trình bổ sung phải phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 5369/QĐ-UBND ngày 31/12/2021.

III. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ CƠ SỞ THỰC HIỆN

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Đất đai năm 2013;
- Luật Quy hoạch năm 2017;
- Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật liên quan đến quy hoạch;
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

2. Những cơ sở và tài liệu thực hiện

- Quyết định số 5369/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai;

- Quyết định số 5387/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Trảng Bom;

- Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai bổ sung danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2022 tỉnh Đồng Nai;

- Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc bổ sung danh mục các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ năm 2022 tỉnh Đồng Nai;

- Quyết định số 1202/QĐ-UBND ngày 11/5/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 04 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất năm 2022 tỉnh Đồng Nai.

IV. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022

Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Trảng Bom được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 5387/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 với 91 dự án có tổng diện tích là 617,82 ha. Thực hiện theo kế hoạch được duyệt, đến nay đã có 63 dự án/483,83 ha đã và đang triển khai thực hiện và 28 dự án/133,99 ha chưa triển khai thực hiện, cụ thể:

- Có 01 dự án/2,20 ha đã thực hiện xong các thủ tục về đất đai đối với dự án Mở rộng nâng cấp đường từ đường lô 42 đến Trường An tại xã Thanh Bình;

- Có 62 dự án/481,63 ha đang triển khai thực hiện các thủ tục về đất đai như: xây dựng phương án bồi thường, triển khai thực hiện bồi thường, giải tỏa, thu hồi đất,...;

- Có 28 dự án/133,99 ha chưa triển khai thực hiện.

(Chi tiết tình hình thực hiện của từng dự án được thể hiện tại Biểu 02/CH kèm theo)

V. BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022

1. Các dự án bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022

Trên cơ sở kế hoạch bố trí vốn thực hiện trong năm 2022 và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, các công trình, dự án quan trọng cần được bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện để thực hiện gồm:

- 09 dự án/5,21 ha đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 về việc thông qua danh mục bổ sung các dự án cần thu hồi đất trong năm 2022 tỉnh Đồng Nai.

- 01 dự án/1,60 ha là “*Trường Tiểu học, trung học cơ sở Bắc Sơn*” tại xã Bắc Sơn có sử dụng 0,16 ha đất trồng lúa đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 196/2019/NQ-HĐND ngày 6/12/2019 về việc thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất, các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và các dự án điều chỉnh quy mô, địa điểm thực hiện năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Ngoài ra, khu đất có nguồn gốc đất là đất công (*do UBND tỉnh thu hồi dự án khu dân cư Hà Linh giao UBND xã Bắc Sơn quản lý*), đã xây dựng xong hiện trạng và có thông báo thu hồi đất số 1631/TB-UBND của UBND tỉnh ngày 15/02/2019. UBND huyện Trảng Bom đề nghị bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Trảng Bom để có cơ sở tiếp tục thực hiện các thủ tục về đất đai đối với dự án Trường tiểu học, trung học cơ sở Bắc Sơn tại xã Bắc Sơn.

- 02 dự án/0,36 ha có nguồn gốc đất công là Nhà Công an xã Đồi 61 với diện tích 0,20 ha tại xã Đồi 61 và Trường tiểu học Nguyễn Trãi (cơ sở 2) với diện tích 0,16 ha tại xã Hưng Thịnh, UBND huyện đưa vào bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022 để thực hiện các thủ tục về đất đai như: giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất,...

Ngoài ra, có 01 dự án đấu giá “Thửa đất số 1 và số 2, tờ bản đồ số 35” với diện tích 2,17 ha tại thị trấn Trảng Bom đã có Quyết định thu hồi đất giao Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh quản lý số 1568, 1569/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai. Nay, bổ sung loại đất kế hoạch từ đất thương mại dịch vụ (TMD) thành đất ở tại đô thị (ODT) kết hợp đất thương mại dịch vụ (TMD) để thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất, theo Quyết định số 1273/QĐ-UBND ngày 19/04/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 Khu trung tâm thương mại dịch vụ kết hợp ở tại thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, dự án đã được cập nhật quy hoạch chi tiết vào quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 5369/QĐ-UBND ngày 31/12/2021.

Bảng 01: Các dự án bổ sung vào kế hoạch sử dụng đất năm 2022

STT	Tên công trình	Địa điểm	Diện tích (ha)	Ghi chú
I. CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN				
a. Công trình, dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận thu hồi đất				
1	Đường N1 (đoạn từ đường Ngô Quyền đến đường D6)	Thị trấn Trảng Bom	0,60	Dự án được thông qua tại Nghị quyết số 01/2022/HĐND ngày 15/04/2022 của HĐND tỉnh
2	Đường Lương Thế Vinh (đoạn từ đường Lê Lai đến đường Lý Thường Kiệt)	Thị trấn Trảng Bom	0,30	Dự án được thông qua tại Nghị quyết số 01/2022/HĐND ngày 15/04/2022 của HĐND tỉnh
3	Đường Nguyễn Trãi (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Lý Nam Đế)	Thị trấn Trảng Bom	0,46	Dự án được thông qua tại Nghị quyết số 01/2022/HĐND ngày 15/04/2022 của HĐND tỉnh
4	Đường Lê Lai (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Lý Nam Đế)	Thị trấn Trảng Bom	0,50	Dự án được thông qua tại Nghị quyết số 01/2022/HĐND ngày 15/04/2022 của HĐND tỉnh
5	Đường Nguyễn Tri Phương (đoạn từ đường Nguyễn Hữu Cảnh đến đường Hùng Vương)	Thị trấn Trảng Bom	0,80	Dự án được thông qua tại Nghị quyết số 01/2022/HĐND ngày 15/04/2022 của HĐND tỉnh
6	Đường dây 110kV Định Quán 2-Vĩnh An	Thanh Bình	0,19	Dự án được thông qua tại Nghị quyết số 01/2022/HĐND ngày 15/04/2022 của HĐND tỉnh
7	Cải tạo đường dây 110kv TBA 200kV TĐ Trị An - TBA Kiệm Tân	Cây Gáo, Thanh Bình	0,06	Dự án được thông qua tại Nghị quyết số 01/2022/HĐND ngày 15/04/2022 của HĐND tỉnh
8	Trường tiểu học Nguyễn Trãi	Hưng Thịnh	1,10	Dự án được thông qua tại Nghị quyết số 01/2022/HĐND ngày 15/04/2022 của HĐND tỉnh
9	Sửa chữa, đào, nạo, vét lòng hồ chứa nước Suối Đầm, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	Sông Thao	1,20	Dự án được thông qua tại Nghị quyết số 01/2022/HĐND ngày 15/04/2022 của HĐND tỉnh
b. Các công trình, dự án sử dụng đất công				

STT	Tên công trình	Địa điểm	Diện tích (ha)	Ghi chú
10	Trường Tiểu học, trung học cơ sở Bắc Sơn	Bắc Sơn	1,60	Đất công, có sử dụng 0,16 ha đất trồng lúa đã được thông qua tại Nghị quyết số 196/2019/NQ-HĐND ngày 6/12/2019 của HĐND tỉnh
11	Nhà Công an xã Đồi 61	Đồi 61	0,20	Đất công, đưa vào KHSĐĐ để thực hiện thủ tục về đất đai
12	Trường tiểu học Nguyễn Trãi (cơ sở 2)	Hung Thịnh	0,16	Đất công, đưa vào KHSĐĐ để thực hiện thủ tục về đất đai
c. Công trình, dự án điều chỉnh loại đất kế hoạch sử dụng đất năm 2022				
13	Thửa đất số 1 và số 2, tờ bản đồ số 35	Thị trấn Trảng Bom	2,17	Bổ sung loại đất kế hoạch từ đất thương mại dịch vụ (TMD) thành đất ở tại đô thị (ODT) kết hợp đất thương mại, dịch vụ (TMD) theo quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 đã được phê duyệt.

2. Chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2022

Trên cơ sở chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Trảng Bom đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 5387/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 và các dự án bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện thì chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2022 được điều chỉnh như sau:

Bảng 02: Chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2022

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích được duyệt tại QĐ 5387/QĐ-UBND (ha)	Diện tích điều chỉnh (ha)	Tăng (+), giảm (-)
1	Đất nông nghiệp	24.605,98	24.600,32	-5,66
1.1	Đất trồng lúa	1.025,55	1.025,24	-0,31
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>412,91</i>	<i>412,80</i>	<i>-0,11</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	3.870,31	3.866,88	-3,43

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích được duyệt tại QĐ 5387/QĐ-UBND (ha)	Diện tích điều chỉnh (ha)	Tăng (+), giảm (-)
1.3	Đất trồng cây lâu năm	17.871,64	17.898,33	26,69
1.4	Đất rừng phòng hộ	6,18	6,18	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	9,45	9,45	-
1.6	Đất rừng sản xuất	273,93	245,35	-28,58
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	-	-	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	948,39	948,36	-0,03
1.8	Đất nông nghiệp khác	600,53	600,53	-
2	Đất phi nông nghiệp	8.118,07	8.123,73	5,66
2.1	Đất quốc phòng	32,56	32,56	-
2.2	Đất an ninh	8,24	8,44	0,20
2.3	Đất khu công nghiệp	1.669,16	1.669,16	-
2.4	Đất cụm công nghiệp	53,08	53,08	-
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	59,70	57,96	-1,74
2.6	Đất sản xuất phi nông nghiệp	434,99	434,98	-0,01
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	109,17	109,17	-
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	2.034,84	2.042,09	7,25
	<i>Đất giao thông</i>	<i>1.300,17</i>	<i>1.303,47</i>	<i>3,30</i>
	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>163,83</i>	<i>165,03</i>	<i>1,20</i>
	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hoá</i>	<i>22,31</i>	<i>22,35</i>	<i>0,04</i>
	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>6,69</i>	<i>6,69</i>	<i>-</i>
	<i>Đất cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>129,56</i>	<i>132,38</i>	<i>2,82</i>
	<i>Đất cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>145,53</i>	<i>145,37</i>	<i>-0,16</i>

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích được duyệt tại QĐ 5387/QĐ-UBND (ha)	Diện tích điều chỉnh (ha)	Tăng (+), giảm (-)
	Đất công trình năng lượng	17,55	17,80	0,25
	Đất công trình bưu chính, viễn thông	1,13	1,13	-
	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	3,74	3,74	-
	Đất bãi thải, xử lý chất thải	28,86	28,86	-
	Đất cơ sở tôn giáo	72,12	72,12	-
	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	131,02	131,02	-
	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	0,01	0,01	-
	Đất cơ sở dịch vụ xã hội	2,37	2,37	-
	Đất chợ	9,95	9,75	-0,20
2.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	5,15	5,15	-
2.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	6,93	6,98	0,05
2.11	Đất ở tại nông thôn	2.192,78	2.192,50	-0,28
2.12	Đất ở tại đô thị	230,72	230,91	0,19
2.13	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	13,28	13,28	-
2.14	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	0,60	0,60	-
2.15	Đất tín ngưỡng	1,53	1,53	-
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	235,12	235,12	-
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	1.030,22	1.030,22	-

(Chi tiết chỉ tiêu theo từng đơn vị hành chính đính kèm tại Biểu 03/CH)

2.1. Đất nông nghiệp

Chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2022 đối với đất nông nghiệp là 24.600,32 ha. So với kế hoạch được duyệt, diện tích giảm 5,66 ha. Nguyên nhân giảm để thực hiện các dự án phi nông nghiệp, Cụ thể:

- **Đất trồng lúa:** chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch đến năm 2022 là 1.025,24 ha, giảm 0,31 ha so với kế hoạch được duyệt. Diện tích giảm do bổ sung diện tích đất trồng lúa chuyển sang đất thủy lợi để thực hiện dự án “Sửa chữa, đào, nạo, vét lòng hồ chứa nước Suối Đầm, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai” và chuyển sang đất năng lượng để thực hiện 02 dự án là “Đường dây 110kV Định Quán 2-Vĩnh An”, “Cải tạo đường dây 110kV TBA 200kv TĐ Trị An - TBA Kiệm Tân”.

Trong đó, đất chuyên trồng lúa nước: chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 có diện tích 412,80 ha giảm 0,11 ha so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất trồng cây hàng năm khác:** chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 là 3.866,88 ha, giảm 3,43 ha so với kế hoạch được duyệt để thực hiện các dự án có sử dụng đất trồng cây hàng năm khác như: Trường tiểu học Nguyễn Trãi, Đường N1, Đường Lương Thế Vinh, Đường Lê Lai (đoạn từ đường Lý Nam Đế đến đường Hùng Vương), Đường Nguyễn Tri Phương (đoạn từ đường Nguyễn Hữu Cảnh đến đường Hùng Vương), Sửa chữa, đào, nạo, vét lòng hồ chứa nước Suối Đầm, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, Trường Tiểu học, trung học cơ sở Bắc Sơn,...

- **Đất trồng cây lâu năm:** chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 là 17.898,33 ha, tăng 26,69 ha so với kế hoạch được duyệt. Trong đó, giảm 1,00 ha do thực hiện các dự án có sử dụng đất trồng cây lâu năm như: Đường N1, Đường Lương Thế Vinh, Đường Lê Lai (đoạn từ đường Lý Nam Đế đến đường Hùng Vương), Đường Nguyễn Tri Phương (đoạn từ đường Nguyễn Hữu Cảnh đến đường Hùng Vương),... và tăng 27,69 ha chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân từ đất rừng sản xuất sang đất nông nghiệp không phải rừng, ...

- **Đất rừng phòng hộ:** chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 là 6,18 ha, giữ nguyên so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất rừng đặc dụng:** chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 có diện tích 9,45 ha, giữ nguyên so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất rừng sản xuất:** chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 là 245,35 ha, giảm 28,58 ha so với kế hoạch được duyệt để thực hiện dự án Trường Tiểu học, trung học cơ sở Bắc Sơn với diện tích 0,89 ha và chuyển mục đích 27,69 ha của hộ gia đình cá nhân từ đất rừng sản xuất sang đất nông nghiệp không phải rừng,...

- **Đất nuôi trồng thủy sản:** chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 là 948,36 ha, giảm 0,03 ha so với kế hoạch được duyệt để thực hiện dự án Sửa chữa, đào, nạo, vét lòng hồ chứa nước Suối Đầm, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- **Đất nông nghiệp khác:** chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 là 600,53 ha, giữ nguyên so với kế hoạch được duyệt.

2.2. Đất phi nông nghiệp

Chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 đất phi nông nghiệp có diện tích 8.123,73 ha tăng 5,66 ha so với kế hoạch được duyệt. Cụ thể:

- **Đất quốc phòng:** chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 là 32,56 ha, giữ nguyên so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất an ninh:** chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 là 8,44 ha tăng 0,20 ha so với kế hoạch được duyệt để bổ sung thêm dự án Nhà Công an xã Đồi 61.

- **Đất khu công nghiệp:** chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 là 1.669,16 ha giữ nguyên so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất cụm công nghiệp:** chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 là 53,08 ha giữ nguyên so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất thương mại, dịch vụ:** chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 là 57,96 ha giảm 1,74 ha so với kế hoạch được duyệt do điều chỉnh loại đất từ đất thương mại dịch vụ (toàn bộ dự án) thành đất ở tại đô thị kết hợp thương mại dịch vụ đối với dự án đấu giá khu đất “*Thửa đất số 1 và số 2, tờ bản đồ số 35*” tại thị trấn Trảng Bom theo quy hoạch chi tiết của dự án đã được phê duyệt.

- **Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:** chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 là 434,98 ha, giảm 0,01 ha so với kế hoạch được duyệt, để chuyển sang đất giao thông thực hiện dự án Đường Nguyễn Tri Phương (đoạn từ đường Nguyễn Hữu Cảnh đến đường Hùng Vương).

- **Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm:** chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 là 109,17 ha giữ nguyên so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất phát triển hạ tầng:** chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 là 2.042,09 ha tăng 7,25 ha so với kế hoạch được duyệt. Cụ thể:

+ *Đất giao thông:* chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 diện tích là 1.303,47 ha, tăng 3,30 ha so với kế hoạch được duyệt để thực hiện các dự án Đường Lương Thế Vinh, Đường Nguyễn Trãi (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Lý Nam Đế), Đường Lê Lai (đoạn từ đường Lý Nam Đế đến đường Hùng Vương), Đường Nguyễn Tri Phương (đoạn từ đường Nguyễn Hữu Cảnh đến đường Hùng Vương) và đường giao thông theo quy hoạch chi tiết của dự án khu đất đấu giá “*Thửa đất số 1 và số 2, tờ bản đồ số 35*” tại thị trấn Trảng Bom.

+ *Đất thủy lợi:* chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 165,03 ha, tăng 1,20 ha so với kế hoạch được duyệt để thực hiện dự án Sửa

chứa, đào, nạo, vét lòng hồ chứa nước Suối Đầm, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

+ *Đất xây dựng cơ sở văn hóa*: chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 là 22,35 ha, tăng 0,04 ha so với kế hoạch được duyệt do bổ sung khu đất đấu giá “Thửa đất số 1 và số 2, tờ bản đồ số 35” tại thị trấn Trảng Bom.

+ *Đất xây dựng cơ sở y tế*: chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 là 6,69 ha giữ nguyên so với kế hoạch được duyệt.

+ *Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo*: chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 là 132,38 ha, tăng 2,82 ha so với kế hoạch được duyệt để thực hiện dự án: Trường tiểu học Nguyễn Trãi, Trường tiểu học Nguyễn Trãi (cơ sở 2) tại xã Hưng Thịnh, Trường Tiểu học, trung học cơ sở Bắc Sơn.

+ *Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao*: chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 là 145,37 ha, giảm 0,16 ha so với kế hoạch được duyệt để thực hiện dự án Trường tiểu học Nguyễn Trãi (cơ sở 2) tại xã Hưng Thịnh.

+ *Đất công trình năng lượng*: chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 là 17,80 ha, tăng 0,25 ha so với kế hoạch được duyệt để thực hiện 02 dự án là Đường dây Đường dây 110kV Định Quán 2-Vĩnh An và Cải tạo đường dây 110kv TBA 200kv TĐ Trị An - TBA Kiệm Tân.

+ *Đất công trình bưu chính viễn thông*: chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 so với kế hoạch được duyệt, đất công trình bưu chính viễn thông ổn định với diện tích 1,13 ha.

+ *Đất có di tích lịch sử - văn hóa*: chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 là 3,74 ha, ổn định so với kế hoạch được duyệt.

+ *Đất bãi thải, xử lý chất thải*: chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 là 28,86 ha, giữ nguyên với kế hoạch được duyệt.

+ *Đất cơ sở tôn giáo*: chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 là 72,12 ha, giữ nguyên với kế hoạch được duyệt.

+ *Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ*: chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 là 131,02 ha, giữ nguyên với kế hoạch được duyệt.

+ *Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ*: chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 là 0,01 ha, giữ nguyên với kế hoạch được duyệt.

+ *Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội*: chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 là 2,37 ha, giữ nguyên với kế hoạch được duyệt.

+ *Đất chợ*: chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 là 9,75 ha, giảm 0,20 ha so với kế hoạch được duyệt để thực hiện công trình Nhà Công an xã Đồi 61.

- **Đất sinh hoạt cộng đồng:** chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 là 5,15 ha, giữ nguyên với kế hoạch được duyệt.

- **Đất khu vui chơi, giải trí công cộng:** chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 là 6,98 ha, tăng 0,05 ha so với kế hoạch được duyệt để thực hiện dự án đấu giá khu đất “Thửa đất số 1 và số 2, tờ bản đồ số 35” tại thị trấn Trảng Bom theo quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt.

- **Đất ở tại nông thôn:** chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 là 2.192,50 ha, giảm 0,28 ha so với kế hoạch được duyệt để thực hiện dự án có sử dụng đất ở tại nông thôn gồm: Sửa chữa, đào, nạo, vét lòng hồ chứa nước Suối Đầm, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai và Trường Tiểu học, trung học cơ sở Bắc Sơn.

- **Đất ở tại đô thị:** chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 là 230,91 ha tăng 0,19 ha so với kế hoạch được duyệt. Trong đó, tăng 0,99 ha để thực hiện đấu giá dự án “Thửa đất số 1 và số 2, tờ bản đồ số 35” đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết và giảm 0,80 ha để thực hiện các dự án: đường N1, đường Lương Thế Vinh, đường Nguyễn Trãi (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Lý Nam Đế), đường Nguyễn Tri Phương (đoạn từ đường Nguyễn Hữu Cảnh đến đường Hùng Vương) tại thị trấn Trảng Bom.

- **Đất xây dựng trụ sở cơ quan:** chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 là 13,28 ha giữ nguyên với kế hoạch được duyệt.

- **Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:** chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 là 0,60 ha giữ nguyên so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất cơ sở tín ngưỡng:** chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch 2022 là 1,53 ha, không thay đổi so với năm 2022.

- **Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối:** chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 là 235,12 ha, giữ nguyên so với kế hoạch được duyệt.

- **Đất có mặt nước chuyên dùng:** chỉ tiêu điều chỉnh kế hoạch năm 2022 là 1.030,22 ha giữ nguyên với kế hoạch được duyệt.

3. Điều chỉnh diện tích cần thu hồi đất trong năm 2022

3.1. Danh mục các công trình, dự án bổ sung phải thu hồi đất trong năm 2022

Trong số các dự án bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022 nêu trên thì có 9 dự án/5,21 ha đã được thông qua tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất năm 2022 tỉnh Đồng Nai, cụ thể:

Bảng 3: Danh mục các dự án bổ sung cần thu hồi đất năm 2022

STT	Tên công trình	Địa điểm	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích thu hồi (ha)
1	Đường N1 (đoạn từ đường Ngô quyền đến đường D6)	TT.Trảng Bom	0,60	0,60
2	Đường Lương Thế Vinh (đoạn từ đường Lê Lai đến đường Lý Thường Kiệt)	TT.Trảng Bom	0,30	0,30
3	Đường Nguyễn Trãi (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Lý Nam Đế)	TT.Trảng Bom	0,46	0,46
4	Đường Lê Lai (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Lý Nam Đế)	TT.Trảng Bom	0,50	0,50
5	Đường Nguyễn Tri Phương (đoạn từ đường Nguyễn Hữu Cảnh đến đường Hùng Vương)	TT.Trảng Bom	0,80	0,80
6	Đường dây 110Kv Định Quán 2-Vĩnh An	Thanh Bình	0,19	0,19
7	Cải tạo đường dây 110kv TBA 200kv TĐ Trị An - TBA Kiem Tân	Cây Gáo, Thanh Bình	0,06	0,06
8	Trường tiểu học Nguyễn Trãi	Hung Thịnh	1,10	1,10
9	Sửa chữa, đào, nạo, vét lòng hồ chứa nước Suối Đầm, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	Sông Thao	1,20	1,20
Tổng			5,21	5,21

3.2. Điều chỉnh diện tích cần thu hồi đất trong năm 2022**Bảng 4: Điều chỉnh diện tích cần thu hồi đất theo từng loại đất năm 2022**

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích được duyệt tại QĐ 5387/QĐ- UBND (ha)	Diện tích điều chỉnh (ha)	Tăng (+) giảm (-)
1	Đất nông nghiệp	193,36	198,22	4,86
	<i>Trong đó:</i>			-
1.1	Đất trồng lúa	2,08	2,23	0,15

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích được duyệt tại QĐ 5387/QĐ-UBND (ha)	Diện tích điều chỉnh (ha)	Tăng (+) giảm (-)
	<i>Đất trồng lúa còn lại</i>	2,08	2,23	0,15
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	110,81	112,03	1,22
1.3	Đất trồng cây lâu năm	50,83	53,99	3,16
1.4	Đất rừng sản xuất	29,54	29,54	-
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	0,1	0,43	0,33
2	Đất phi nông nghiệp	2,51	2,86	0,35
2.1	Đất quốc phòng	1,16	1,16	-
2.2	Đất thương mại, dịch vụ	0,01	0,01	-
2.3	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	1,06	1,28	0,22
	<i>Trong đó:</i>			-
	<i>Đất giao thông</i>	0,41	0,59	0,18
	<i>Đất thủy lợi</i>	0,03	0,05	0,02
	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hoá</i>	0,03	0,03	-
	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	0,54	0,54	-
	<i>Đất chợ</i>	0,05	0,05	-
2.4	Đất ở tại đô thị	0,04	0,17	0,13
2.5	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	0,02	0,02	-
2.6	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	0,22	0,22	-

(Chi tiết chỉ tiêu thu hồi đất theo từng đơn vị hành chính đính kèm tại Biểu 04/CH)

4. Điều chỉnh diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022

4.1. Điều chỉnh chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 theo loại đất hiện trạng của tổ chức và hộ gia đình, cá nhân

Bảng 5: Điều chỉnh chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 theo loại đất hiện trạng của tổ chức và hộ gia đình, cá nhân

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích được duyệt tại Quyết định 5387/QĐ-UBND (ha)	Diện tích điều chỉnh (ha)	Tăng (+) giảm (-)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	626,39	632,05	5,66
1.1	Đất trồng lúa	1,66	1,97	0,31
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	-	<i>0,11</i>	<i>0,11</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	203,09	206,52	3,43
1.3	Đất trồng cây lâu năm	380,48	381,48	1,00
1.4	Đất rừng sản xuất	28,72	29,61	0,89
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	11,26	11,29	0,03
1.6	Đất nông nghiệp khác	1,18	1,18	-
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp	9,39	37,08	27,69
2.1	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	7,94	7,94	-
2.2	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	1,45	29,14	27,69
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	18,75	19,74	0,99

(Chỉ tiêu theo từng đơn vị hành chính cấp xã tại Biểu 05/CH kèm theo)

4.2. Điều chỉnh chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 theo loại đất trong hồ sơ địa chính của tổ chức và hộ gia đình, cá nhân

Bảng 6: Điều chỉnh chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 theo loại đất trong hồ sơ địa chính của tổ chức và hộ gia đình, cá nhân

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích được duyệt tại Quyết định 5387/QĐ-UBND (ha)	Diện tích điều chỉnh (ha)	Tăng (+) giảm (-)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	601,66	607,32	5,66
	Trong đó:			
1.1	Đất trồng lúa	50,78	51,37	0,59

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích được duyệt tại Quyết định 5387/QĐ-	Diện tích điều chỉnh (ha)	Tăng (+) giảm (-)
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	1,39	1,74	0,35
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	108,13	109,23	1,10
1.3	Đất trồng cây lâu năm	299,55	302,60	3,05
1.4	Đất rừng sản xuất	131,34	132,20	0,86
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	11,18	11,24	0,06
1.6	Đất nông nghiệp khác	0,68	0,68	-
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp	25,39	53,08	27,69
	<i>Trong đó:</i>			
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	16,00	16,00	-
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	4,00	4,00	-
2.3	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	3,94	3,94	-
2.4	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	1,45	29,14	27,69
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	14,85	15,84	0,99

(Chỉ tiêu theo từng đơn vị hành chính cấp xã tại Biểu 5B/CH kèm theo)

4.3. Chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 theo loại đất trong hồ sơ địa chính của hộ gia đình, cá nhân

Bảng 7: Chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 theo loại đất trong hồ sơ địa chính của hộ gia đình, cá nhân

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích điều chỉnh (ha)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	122,91
	<i>Trong đó:</i>	
1.1	Đất trồng lúa	11,00
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	0,27

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Diện tích điều chỉnh (ha)
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	14,84
1.3	Đất trồng cây lâu năm	93,34
1.4	Đất rừng sản xuất	2,09
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	1,64
1.6	Đất nông nghiệp khác	-
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp	53,08
	Trong đó:	
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	16,00
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	4,00
2.3	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	3,94
2.4	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng	29,14

(Chỉ tiêu theo từng đơn vị hành chính cấp xã tại Biểu 5C/CH kèm theo)

5. Bổ sung dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng năm 2022

Có 04 dự án/3,05 ha có sử dụng đất trồng lúa 0,31 ha. Trong đó: 03 dự án/1,45 ha có sử dụng đất trồng lúa là 0,15 ha đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 về việc bổ sung danh mục các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ năm 2022 tỉnh Đồng Nai và 01 dự án/1,60 ha có sử dụng đất trồng lúa là 0,16 ha đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 196/2019/NQ-HĐND ngày 6/12/2019 về việc bổ sung danh mục các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ năm 2020 tỉnh Đồng Nai. Cụ thể:

Bảng 8: Bổ sung dự án có sử dụng đất trồng lúa trong năm 2022

STT	Tên công trình	Địa điểm	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích đất lúa (ha)
1. Các dự án có sử dụng đất trồng lúa đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022				
1	Đường dây 110kV Định Quán 2-Vĩnh An	Thanh Bình	0,19	0,02
2	Cải tạo đường dây 110kV TBA	Cây Gáo,	0,06	0,02

STT	Tên công trình	Địa điểm	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích đất lúa (ha)
	200kv TĐ Trị An - TBA Kiệm Tân	Thanh Bình		
3	Sửa chữa, đào, nạo, vét lòng hồ chứa nước Suối Đầm, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	Sông Thao	1,20	0,11
2. Dự án có sử dụng đất trồng lúa đã được HĐND tỉnh thông tại Nghị quyết số 196/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019				
4	Trường Tiểu học, trung học cơ sở Bắc Sơn	Bắc Sơn	1,60	0,16
Tổng			3,05	0,31

Cụ thể:

- **Đất công trình năng lượng:** 02 dự án/0,25 ha là Đường dây 110Kv Định Quán 2-Vĩnh An và Cải tạo đường dây 110kv TBA 200kv TĐ Trị An - TBA Kiệm Tân.

- **Đất thủy lợi:** 01 dự án/1,20 ha, trong đó sử dụng đất trồng lúa 0,11 ha là dự án Sửa chữa, đào, nạo, vét lòng hồ chứa nước Suối Đầm, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- **Đất cơ sở giáo dục và đào tạo:** 01 dự án/1,60 ha, trong đó sử dụng đất trồng lúa 0,16 ha là dự án Trường Tiểu học, trung học cơ sở Bắc Sơn.

6. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022

Theo bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022, huyện bố trí thêm nhiều công trình, dự án phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Việc tính toán các khoản thu, chi từ đất trong phương án quy hoạch được thực hiện dựa trên các căn cứ pháp lý và cơ sở gồm: Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 9/9/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 22/02/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về Bảng giá đất tỉnh Đồng Nai 5 năm, giai đoạn 2020 – 2024; Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 8/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thống nhất hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện, dự kiến các khoản thu, chi từ đất của huyện như sau:

- Các khoản thu từ đất bao gồm: thu từ việc giao đất ở đô thị, đất ở nông thôn, cho thuê đất, thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất. Do đó tổng thu từ đất khoảng 98,35 tỷ đồng.

- Tổng chi từ đất khoảng 50,68 tỷ đồng, gồm các khoản chi: chi đền bù giải tỏa đất, chi bồi thường đối với cây trồng, vật nuôi, tài sản trên đất, chi hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề, chi suất tái định cư tối thiểu.

- Cân đối thu chi các khoản có liên quan đến đất là: 47,67 tỷ đồng tăng khoảng 6,95 tỷ đồng so với kế hoạch sử dụng đất năm 2022.

Bên cạnh việc mang lại những khoản thu cần thiết cho huyện, việc thực hiện dự án theo quy hoạch góp phần cải tạo mỹ quan đô thị trong tương lai, giao thông được cải thiện thuận lợi trong việc kết nối giao thương với vùng lân cận, hạ tầng đồng bộ, tiết kiệm quỹ đất đáp ứng đủ nhu cầu cần thiết của người dân.

Kết quả này cho thấy rõ rệt về tính hiệu quả của việc bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Trảng Bom.

VI. BỔ SUNG GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022

Công bố công khai, kịp thời các nội dung bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Trảng Bom. Sau khi hồ sơ Bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Ủy ban nhân dân huyện sẽ chỉ đạo tổ chức thực hiện như sau:

a. Phòng Tài chính - Kế hoạch

Căn cứ vào kế hoạch bố trí vốn trong năm 2022 để giải ngân kinh phí đúng thời hạn để thực hiện các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách.

b. Phòng Tài nguyên và Môi trường

Tham mưu UBND huyện thực hiện việc công bố, công khai việc bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Theo dõi, tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng đất theo định kỳ.

Hướng dẫn tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các thủ tục về đất đai; phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện các thủ tục về đất đai cho các dự án.

c. Các Ban, ngành khác của huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã

UBND các xã, thị trấn công bố công khai các nội dung bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022 và niêm yết bản đồ bổ sung kế hoạch sử dụng đất tại trụ sở UBND xã, thị trấn để các tổ chức, cá nhân trên địa bàn xã được biết và thực hiện theo kế hoạch được duyệt.

KẾT LUẬN

Bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Trảng Bom được thực hiện theo đúng quy định của Luật đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai, Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Các dự án bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022 đã được tổng hợp cân đối mang tính kế thừa, khách quan từ việc lấy nhu cầu thực tế của các ban, ngành, các xã, thị trấn và được rà soát kỹ lưỡng các điều kiện cần thiết nhằm đảm bảo tính khả thi cao.

Bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022 với tổng số dự án là 13 dự án/9,34 ha. Trong đó bổ sung mới 12 dự án/7,17 ha; bổ sung loại đất đổ với 01 dự án/2,17 ha.

Có 9 dự án/5,21 ha cần thu hồi đất theo khoản 3 Điều 62 luật đất đai năm 2013, đã được thông qua tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất năm 2022 tỉnh Đồng Nai.

Có 04 dự án/3,05 ha sử dụng đất trồng lúa là 0,31 ha. Trong đó, có 03 dự án/0,15 ha đã được thông qua Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐND của Hội đồng Nhân dân ngày 15/04/2022 về bổ sung danh mục các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ năm 2022 tỉnh Đồng Nai và 01 dự án/0,16 ha đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 196/2019/NQ-HĐND ngày 6/12/2019 về việc thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất, các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và các dự án điều chỉnh quy mô, địa điểm thực hiện năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Các dự án đưa vào bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2022 để đảm bảo tiến độ thực hiện và hoàn thành các dự án trong năm kế hoạch cần phải phát huy tối đa hiệu quả các nguồn lực và lợi thế của huyện, đặc biệt là nguồn lực về vốn đầu tư và nhân lực, trong đó ưu tiên đầu tư, triển khai nhanh việc xây dựng các công trình trọng điểm trên địa bàn huyện kết hợp với những giải pháp mang tính đồng bộ, hiệu quả và phù hợp với tình hình thực tế./.